

Số: **510** /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 16 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2394/QĐ-BTP ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Nội dung chi tiết các thủ tục hành chính huân hóa được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh tại chuyên mục “Thủ tục hành chính” tại địa chỉ: “dichvucong.backan.gov.vn”.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

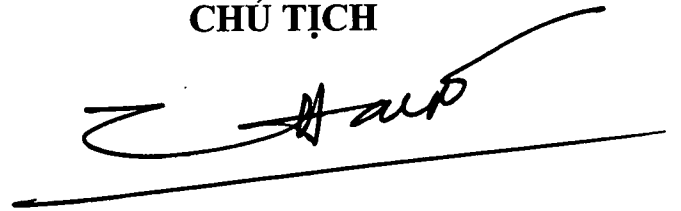
Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 4 (t/h);
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT&TT;
- Lưu: VT, NCPC (Vân).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Long Hải

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN
QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC KẠN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5AD /QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn)

A- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI					
1	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian cơ quan công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. - Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	<p>Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp thu lệ phí và chi phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 9.000.000 đồng/trường hợp. <p>Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí: 50.000.000 đồng/trường hợp. <p>Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn nộp chi phí.</p>	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi năm 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi (Nghị định số 19/2011/NĐ-CP); - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi (Nghị định số 24/2019/NĐ-CP); - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài (Nghị định số 114/2016/NĐ-CP); - Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 07/9/2012 giữa Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán,

		<p>ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi. - Thời gian UBND cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28 và khoản 3 Điều 36 Luật nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp. - Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho 				<p>quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài (Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (Thông tư số 21/2011/TT-BTP); - Thông tư số 267/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (Thông tư số 267/2016/TT-BTC); - Thông tư số 10/2020/ TT- BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi (Thông tư số 10/2020/ TT-BTP).
--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.</p>				
2	<p>Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác, ruột nhận cháu làm con nuôi</p>	<p>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Đối với những trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước chưa có</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn</p>	<p>Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp thu lệ phí và chi phí:</p> <p>- Lệ phí: Áp dụng mức giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài: 4.500.000 đồng/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi.</p> <p>Trường hợp đồng thời nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi: được</p>	<p>Sở Tư pháp</p>	<p>- Luật Nuôi con nuôi năm 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 267/2016/TT- BTC; - Thông tư số 10/2020/ TT- BTP.</p>

	<p>quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam: Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>- Đối với những trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Lahay 1993:</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận trẻ em được nhập cảnh</p>		<p>lựa chọn áp dụng mức giảm lệ phí như trên hoặc áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài từ trẻ em thứ hai trở đi được nhận làm con nuôi (mức lệ phí chưa giảm: 9.000.000 đồng/trường hợp).</p> <p>- Chi phí: Không quy định</p>		
--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

		<p>và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND cấp tỉnh ra quyết định nuôi con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.</p>				
3	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi năm 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 267/2016/TT- BTC; - Thông tư số 10/2020/ TT- BTP.
4	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	<p>- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Thời gian UBND cấp tỉnh ra</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	4.500.000 đồng/trường hợp	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi năm 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 267/2016/TT- BTC; - Thông tư số 10/2020/ TT- BTP.

		quyết định nuôi con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.				
II	LĨNH VỰC HỘ TỊCH					
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	8.000 đồng/1 bản sao trích lục/ sự kiện hộ tịch đã đăng ký.	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Nghị định số 123/2015/NĐ- CP); - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Thông tư số 04/2020/TT-BTP); - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Thông tư số 85/2019/TT-BTC). - Thông tư 281/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam; phí xác nhận là người

						gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Thông tư 281/2016/TT-BTC)
III	LĨNH VỰC QUỐC TỊCH					
1	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Lệ phí: 100.000 đồng/trường hợp	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam (Nghị định 16/2020/NĐ-CP); - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch (Thông tư 02/2020/TT-BTP); - Thông tư 281/2016/TT-BTC.
2	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp xác định được có đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam: 05 ngày; - Trường hợp không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam: 15 ngày 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	<p>100.000 đồng/trường hợp</p> <p>Miễn lệ phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung</p>	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC.

				đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã.		
3	Nhập quốc tịch Việt Nam	<p>- Trường hợp người nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch: 115 ngày;</p> <p>Trường hợp người nhập quốc tịch Việt Nam xin thôi quốc tịch nước ngoài: 125 ngày.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	<p>Lệ phí: 3.000.000 đồng</p> <p>Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</p> <p>+ Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.</p>	Sở Tư pháp	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC.</p>

4	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	<p>- Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch: 80 ngày.</p> <p>- Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam nhưng phải thực hiện xin thôi quốc tịch nước ngoài: 95 ngày.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	<p>Lệ phí: 2.500.000 đồng/trường hợp</p> <p>Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</p> <p>+ Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.</p>	Sở Tư pháp	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP;</p> <p>- Thông tư số 264/2016/TT-BTC.</p>
5	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	85 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7,	2.500.000 đồng/trường hợp	Sở Tư pháp	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP;</p>

			phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn			- Thông tư số 264/2016/TT-BTC
IV	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC					
<i>* TTHC tiếp nhận tại trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn:</i>						
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (Nghị định số 23/2015/NĐ-CP).
<i>* TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn:</i>						
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	- Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. - Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định	Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn	Phí: 2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	Phòng Công chứng - Sở Tư pháp	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (Thông tư 01/2020/TT-BTP). - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực

		nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.				(Thông tư số 226/2016/TT-BTC); - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên (Thông tư số 257/2016/TT-BTC).
3	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn	Phí: 2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính	Phòng Công chứng - Sở Tư pháp	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.

4	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điếm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điếm chỉ được)	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	Phòng Công chứng - Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.
V	LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP					
1	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	<ul style="list-style-type: none"> - Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: 200.000đ/lần/người; - Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm 	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Lý lịch tư pháp năm 2009; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Lý lịch tư pháp (Nghị định số 111/2010/NĐ-CP); - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp

		phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc.		<p>cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000đ/lần/người.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 02 Phiếu lý lịch tư pháp trong một lần yêu cầu, thì kể từ Phiếu thứ 3 trở đi tổ chức thu phí được thu thêm 5.000 đồng/Phiếu để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu lý lịch tư pháp.</p> <p>- Trường hợp miễn phí: Thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính</p>		<p>hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp (Thông tư số 13/2011/TT-BTP);</p> <p>- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 do Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng ban hành hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP);</p> <p>- Thông tư số 16/2013/TT-BTP sửa đổi Thông tư 13/2011/TT-BTP hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành (Thông tư số 16/2013/TT-BTP);</p> <p>- Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Thông tư số 244/2016/TT-BTC).</p>
2	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố	Không quy định	Sở Tư pháp	<p>- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009;</p> <p>- Nghị định số 111/2010/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 13/2011/TT-BTP;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP;</p>

	dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc.	Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn			- Thông tư số 16/2013/TT-BTP; - Thông tư số 244/2016/TT-BTC.
3	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc. Trường hợp khẩn cấp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP; - Thông tư số 16/2013/TT-BTP; - Thông tư số 244/2016/TT-BTC.
VI	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC					
1	Phục hồi danh dự	15 ngày (kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án ở cấp tỉnh	- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ hướng dẫn Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Nghị định số 68/2018/NĐ-CP). - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp về biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước (Thông tư số 04/2018/TT-BTP).

2	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án ở cấp tỉnh	- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.
3	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Tối đa 110 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ của người yêu cầu bồi thường		Không quy định		- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP - Thông tư số 04/2018/TT-BTP.
VII LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ						
<i>*TTHC tiếp nhận tại trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn:</i>						
1	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý (Thông tư số 08/2017/TT-BTP).
2	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP.

3	Chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP.
4	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP.
5	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP.
6	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý (Khiếu nại lần 2)	15 làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.

7	Lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở Tư pháp	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP.
8	Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở Tư pháp	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP.
9	Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở Tư pháp	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP.
10	Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở Tư pháp	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP.

11	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý (<i>Khiếu nại lần 1</i>)	03 ngày việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở Tư pháp	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.
* TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước:						
12	Yêu cầu trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, người tiếp nhận yêu cầu phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý và trả lời ngay cho người yêu cầu về việc hồ sơ đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung giấy tờ, tài liệu có liên quan.	Bộ phận Một cửa - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp Bắc Kạn	Không quy định	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở Tư pháp	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP.
13	Rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận Một cửa - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp Bắc Kạn	Không quy định	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở Tư pháp	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP.
VIII	LĨNH VỰC LUẬT SƯ					
1	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc	50.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	- Luật Luật sư năm 2006. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư (Nghị định số 123/2013/NĐ-CP của Chính phủ). - Thông tư số 02/2015/TT-BTP

			Kạn			ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư (Thông tư số 02/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp). - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính).
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	50.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	- Luật Luật sư năm 2006. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.
3	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	50.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	- Luật Luật sư năm 2006. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, công ty luật hợp danh, trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	50.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư năm 2006. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.
5	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	50.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi năm 2012). - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.
6	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hành nghề luật sư.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi năm 2012). - Thông tư số 02/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
7	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	2.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi năm 2012). - Thông tư số 220/2016/TT- của Bộ Tài chính.

8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động bằng cách cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	1.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi năm 2012). - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 220/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
9	Hợp nhất công ty luật	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật hợp nhất.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP của Chính phủ.
10	Sáp nhập công ty luật	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không.	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP của Chính phủ.
11	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật chuyển đổi.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không.	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

12	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyên đổi từ công ty luật nước ngoài	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	50.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.
13	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	600.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 220/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
14	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	2.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	- Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi năm 2012). - Thông tư số 17/2011/TT-BTP của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
IX	LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG					
<i>* TTHC tiếp nhận tại trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn:</i>						
1	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng (Thông tư số 04/2015/TT-BTP).

			Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn			
2	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	5 Ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
3	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
4	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

5	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
6	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
7	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
8	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

9	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
10	Xóa đăng ký hành nghề công chứng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
11	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Lệ phí: 3.500.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
12	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

13	Cấp lại Thẻ công chứng viên	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
14	Thành lập Văn phòng công chứng	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp .
15	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Lệ phí: 1.000.000 đồng/ hồ sơ	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
16	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Phí: 500000 đồng/hồ sơ (Trường hợp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động thì phí là năm trăm nghìn đồng)	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

17	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	07 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp tỉnh có quyết định thu hồi quyết định cho phép thành lập	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014
18	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014
19	Hợp nhất Văn phòng Công chứng	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp .
20	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt động	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Phí: 1.000.000 đồng/ hồ sơ	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

21	Sáp nhập Văn phòng Công chứng	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
22	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Phí: 500.000 đồng/ hồ sơ	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
23	Chuyển nhượng Văn phòng Công chứng	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
24	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Phí: 500.000 đồng/ hồ sơ	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

25	Chuyên đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
26	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Lệ phí: 1.000.000 đồng/ hồ sơ	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
27	Thành lập Hội Công chứng viên	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
28	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Phòng Công chứng - Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

* TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa - Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn:						
29	Công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn	02 ngày làm việc. Đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn	Theo quy định của Thông tư số 257/2016/TT-BTC (tính trên giá trị di sản, tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch)	Phòng Công chứng - Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
30	Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng	02 ngày làm việc. Đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn	Theo quy định của Thông tư số 257/2016/TT-BTC (tính trên giá trị di sản, tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch)	Phòng Công chứng - Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
31	Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	02 ngày làm việc. Đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn	Theo quy định của Thông tư số 257/2016/TT-BTC (tính trên giá trị di sản, tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch)	Phòng Công chứng - Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
32	Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản	02 ngày làm việc. Đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn	Theo quy định của Thông tư số 257/2016/TT-BTC (tính trên giá trị di sản, tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch)	Phòng Công chứng - Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
33	Công chứng hợp đồng ủy quyền	02 ngày làm việc. Đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công	Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư	50.000đồng/hồ sơ	Phòng Công chứng - Sở	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

		<i>chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc</i>	pháp Bắc Kạn		Tư pháp	
34	Công chứng di chúc	<i>02 ngày làm việc. Đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc</i>	Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn	50.000đồng/hồ sơ	Phòng Công chứng - Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
35	Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản	<i>02 ngày làm việc. Đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc</i>	Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn	Theo quy định của Thông tư số 257/2016/TT-BTC (tính trên giá trị di sản, tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch)	Phòng Công chứng - Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
36	Công chứng văn bản khai nhận di sản	<i>02 ngày làm việc. Đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc</i>	Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn	Theo quy định của Thông tư số 257/2016/TT-BTC (tính trên giá trị di sản, tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch)	Phòng Công chứng - Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
37	Công chứng văn bản từ chối nhận di sản	<i>02 ngày làm việc. Đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc</i>	Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn	20.000đồng/hồ sơ	Phòng Công chứng - Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
38	Nhận lưu giữ di chúc	Không quy định	Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn	100.000đồng/hồ sơ	Phòng Công chứng - Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

39	Công chứng bản dịch	Không quá 02 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn	10.000 đồng/trang với bản dịch thứ nhất. Trường hợp người yêu cầu công chứng cần nhiều bản dịch thì từ bản dịch thứ 2 trở lên thu 5.000 đồng/trang đối với trang thứ nhất, trang thứ 2; từ trang thứ 3 trở lên thu 3.000 đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản	Phòng Công chứng - Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
40	Cấp bản sao văn bản công chứng	Không quy định	Bộ phận Một cửa Phòng Công chứng, Sở Tư pháp Bắc Kạn	5.000 đồng/trang, từ trang thứ ba (3) trở lên thì mỗi trang thu 3.000 đồng nhưng tối đa không quá 100.000 đồng/bản	Phòng Công chứng - Sở Tư pháp	- Luật công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
X	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP					
1	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi năm 2020)
2	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi năm 2020)

			Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn			
3	Đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi năm 2020)
4	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi năm 2020)
5	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi năm 2020); - Nghị định 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật giám định tư pháp (Nghị định 85/2013/NĐ-CP); - Nghị định 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 85/2013/NĐ-CP (Nghị định 157/2020/NĐ-CP).
6	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi năm 2020); - Nghị định 85/2013/NĐ-CP;

	giám định tư pháp		Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn			- Nghị định 157/2020/NĐ-CP
7	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp (Doanh nghiệp)	17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi năm 2020); - Nghị định 85/2013/NĐ-CP; - Nghị định 157/2020/NĐ-CP
8	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp (Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi năm 2020); - Nghị định 85/2013/NĐ-CP; - Nghị định 157/2020/NĐ-CP.
9	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trường hợp Văn phòng giám định tư pháp tự chấm dứt hoạt động	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi năm 2020); - Nghị định 85/2013/NĐ-CP; - Nghị định 157/2020/NĐ-CP.
10	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trường hợp Văn phòng giám định tư	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi năm 2020); - Nghị định 85/2013/NĐ-CP; - Nghị định 157/2020/NĐ-CP.

	pháp chấm dứt hoạt động do bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động		Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn			
11	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi năm 2020); - Nghị định 85/2013/NĐ-CP; - Nghị định 157/2020/NĐ-CP.
12	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi năm 2020); - Nghị định 85/2013/NĐ-CP; - Nghị định 157/2020/NĐ-CP.
XI	LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT					
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ quy định về việc tư vấn pháp luật (Nghị định 77/2008/NĐ-CP); - Nghị định 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ sửa đổi Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật (Nghị định 05/2012/NĐ-CP);

						- Thông tư 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Nghị định 77/2008/NĐ-CP (Thông tư 01/2010/TT-BTP);
2	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định 77/2008/NĐ-CP; - Nghị định 05/2012/NĐ-CP; - Thông tư 01/2010/TT-BTP; - Thông tư 19/2011/TT-BTP sửa đổi quy định về thủ tục hành chính của Thông tư 05/2008/TT-BTP, 03/2008/TT-BTP và 01/2010/TT-BTP do Bộ Tư pháp ban hành.
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định 77/2008/NĐ-CP; - Thông tư 01/2010/TT-BTP;
4	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định 77/2008/NĐ-CP; - Nghị định 05/2012/NĐ-CP; - Thông tư 01/2010/TT-BTP; - Thông tư 19/2011/TT-BTP.
5	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định 77/2008/NĐ-CP; - Thông tư 01/2010/TT-BTP;

			Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn			
6	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Thông tư 01/2010/TT-BTP;
XII	LĨNH VỰC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN					
1	Cấp Thẻ đấu giá viên	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ hướng dẫn Luật đấu giá tài sản (Nghị định 62/2017/NĐ-CP);
2	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định 62/2017/NĐ-CP.
3	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7,	1.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định 62/2017/NĐ-CP - Thông tư 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy

			phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn			<p>định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản (Thông tư 45/2017/TT-BTC).</p> <p>-Thông tư 06/2017/TT-BTP ngày 25/5/2017 của Bộ Tài chính quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản (Thông tư 06/2017/TT-BTP);</p> <p>- Thông tư 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn hành nghề đấu giá tài sản, phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (Thông tư 106/2017/TT-BTC).</p>
4	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị thay đổi	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	500.000đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định 62/2017/NĐ-CP; - Thông tư 06/2017/TT-BTP; - Thông tư 106/2017/TT-BTC.
5	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	500.000đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định 62/2017/NĐ-CP; - Thông tư 06/2017/TT-BTP; - Thông tư 106/2017/TT-BTC.

			Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn			
6	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định 62/2017/NĐ-CP;
7	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định 62/2017/NĐ-CP.
8	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp thu phí: 2.700.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định 62/2017/NĐ-CP; - Thông tư 06/2017/TT-BTP; - Thông tư 106/2017/TT-BTC.
XIII	LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN					
1	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp quyết định ghi tên người đề nghị	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7,	500.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	- Luật Phá sản năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số

		<p>đăng ký vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và thông báo cho người đó.</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định ghi tên người đề nghị đăng ký vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, Sở Tư pháp gửi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản cho Bộ Tư pháp.</p>	<p>phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn</p>			<p>điều của Luật Pháp sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản (Nghị định số 22/2015/NĐ-CP).</p> <p>- Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, hoạt động quản lý, thanh lý tài sản; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên (Thông tư số 224/2016/TT-BTC).</p>
2	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	<p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn</p>	Không quy định	Sở Tư pháp	<p>- Luật Pháp sản năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP.</p>
3	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	<p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn</p>	500.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	<p>- Luật Pháp sản năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP. - Thông tư số 224/2016/TT-BTC.</p>
4	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	<p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7,</p>	Không quy định	Sở Tư pháp	<p>- Luật Pháp sản năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP.</p>

			phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn			
5	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Luật Phá sản năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP.
XIV	LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI					
1	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 18/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại (Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ) - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/08/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 18/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại (Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)
2	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp

			Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn			
3	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp
4	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp
5	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại. - Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	1.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp - Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức th, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề Thừa phát lại; phí thẩm định điều kiện thành lập, hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (Thông tư số 223/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính).

6	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp
7	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	Đối với trường hợp thay đổi Trưởng Văn phòng, thì thời hạn cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Thừa phát lại là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Đối với các trường hợp thay đổi khác thì thời hạn cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Thừa phát lại là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp
8	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép cho phép chuyển đổi loại hình hoạt	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp

		động Văn phòng Thừa phát lại.				
9	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp
10	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép cho phép hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp
11	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp

12	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	<p>- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	<p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp</p>
13	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	<p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp.</p>
XV	LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI					
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	1.500.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	<p>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại (Nghị định số 63/2011/NĐ-CP).</p> <p>- Nghị định 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011</p>

						<p>của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại (Nghị định 124/2018/NĐ-CP);</p> <p>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động của Trọng tài thương mại (Thông tư số 12/2012/TT-BTP);</p> <p>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực hoạt động trọng tài thương mại (Thông tư số 222/2016/TT-BTC).</p>
2	<p>Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác</p>	<p>Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn</p>	<p>1.000.000 đồng/hồ sơ</p>	<p>Sở Tư pháp</p>	<p>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định 124/2018/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP;</p> <p>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC.</p>
3	<p>Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động</p>	<p>Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố</p>	<p>- 500.000 đồng đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài.</p> <p>- 3.000.000 đồng đối</p>	<p>Sở Tư pháp</p>	<p>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP.</p> <p>- Nghị định 124/2018/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP.</p> <p>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC.</p>

	của Chi nhánh tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam		Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam		
4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	500.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP. - Thông tư số 12/2012/TT-BTP. - Thông tư số 222/2016/TT-BTC.
5	Đăng ký hoạt động Chi nhánh tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	5.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP. - Nghị định 124/2018/NĐ-CP. - Thông tư số 12/2012/TT-BTP. - Thông tư số 222/2016/TT-BTC.

6	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài: 1.500.000 đồng. - Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm Trọng tài: 1.000.000 đồng. - Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam: 5.000.000 đồng 	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP. - Nghị định 124/2018/NĐ-CP. - Thông tư số 12/2012/TT-BTP. - Thông tư số 222/2016/TT-BTC.
XVI LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI						
1	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại (Nghị định số 22/2017/NĐ-CP). - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/2/2018 của Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại (Thông tư số 02/2018/TT-BTP).
2	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP.

	thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.					
3	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Trung tâm	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP.
4	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP.
5	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP.

	thương mại nước ngoài tại Việt Nam					
6	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP.
7	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP.
8	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chi nhánh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7,	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP.

	nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam		phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn			
9	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động tại nước ngoài	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận báo cáo của chi nhánh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Không quy định	Sở Tư pháp	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP.
XVII	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM					
1	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế	03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố	80.000đồng/hồ sơ	+ Chi nhánh VPĐKĐĐ; + Sở Tài nguyên và Môi trường	- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp về hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Thông tư 07/2019/TT-

	chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)		Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường). - Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện (Chi nhánh VPĐKĐĐ)			BTP); - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định về mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND).
2	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường). - Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện (Chi nhánh VPĐKĐĐ)	80.000đồng/hồ sơ	+ Chi nhánh VPĐKĐĐ; + Sở Tài nguyên và Môi trường	- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
3	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường). - Bộ phận Một	80.000đồng/hồ sơ	+ Chi nhánh VPĐKĐĐ; + Sở Tài nguyên và Môi trường	- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.

			cửa của UBND cấp huyện (Chi nhánh VPĐKĐĐ)			
4	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường). - Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện (Chi nhánh VPĐKĐĐ)	80.000đồng/hồ sơ	+ Chi nhánh VPĐKĐĐ. + Sở Tài nguyên và Môi trường	- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
5	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường). - Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện (Chi nhánh VPĐKĐĐ)	60.000đồng/hồ sơ	+ Chi nhánh VPĐKĐĐ. + Sở Tài nguyên và Môi trường	- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
6	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo	03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc	Không quy định	+ Chi nhánh VPĐKĐĐ.	- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.

	đảm bảo quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký		Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường). - Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện (Chi nhánh VPĐKĐĐ)		+ Sở Tài nguyên và Môi trường	
7	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường). - Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện (Chi nhánh VPĐKĐĐ)	30.000đồng/hồ sơ	+ Chi nhánh VPĐKĐĐ. + Sở Tài nguyên và Môi trường	- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
8	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (đơn vị: Sở Tài nguyên và	80.000đồng/hồ sơ	+ Chi nhánh VPĐKĐĐ. + Sở Tài nguyên và Môi trường	- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.

			Môi trường). - Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện (Chi nhánh VPĐKĐĐ)			
9	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường). - Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện (Chi nhánh VPĐKĐĐ)	20.000đồng/hồ sơ	+ Chi nhánh VPĐKĐĐ. + Sở Tài nguyên và Môi trường	- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.

B- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH					
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	8.000 đồng/1 bản sao trích lục/ sự kiện hộ tịch đã đăng ký.	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư 281/2016/TT-BTC.
2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Lệ phí: 65.000/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định về mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND).
3	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Lệ phí: 1.350.000/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.

4	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Lệ phí: 65.000/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Lệ phí: 1.350.000/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
6	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí Đăng ký khai sinh: 65.000/trường hợp. - Lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.350.000/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.

				nghèo, người khuyết tật.		
7	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cũ, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Lệ phí: 65.000/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Bộ Luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
8	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Lệ phí: 65.000/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Bộ Luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
9	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	- Lệ phí Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước, Xác định lại dân tộc: 25.000/trường hợp. - Lệ phí Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.

		dài không quá 06 ngày làm việc.		có yếu tố nước ngoài: 65.000/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Lệ phí: 65.000/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Lệ phí: 65.000/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
12	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp	Lệ phí: 65.000/trường hợp.	Phòng Tư pháp - UBND cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;

	giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.	huyện	Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	huyện	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
13	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Lệ phí: 65.000/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
14	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Lệ phí: 65.000/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.

15	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Lệ phí: 1.350.000/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
16	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Lệ phí: 65.000/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
II LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI						
1	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	65.000đồng/hồ sơ. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 10/2020/ TT- BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC.

III LĨNH VỰC CHỨNG THỰC						
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Không quy định	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP.
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	- Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. - Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Phí: 2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính Đồng	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên (Thông tư số 257/2016/TT-BTC).
3	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan,	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Phí: 2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC.

	tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.		200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính Đồng		
4	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điếm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điếm chỉ được)	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản.)	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.
5	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ;	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Phí: 30.000 đồng/ giao dịch	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.
6	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Phí: 30.000 đồng/ giao dịch	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.

		tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ;				
7	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính)	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.
8	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Phí: 10.000 đồng/trường hợp. Trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.
9	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Phí: 10.000 đồng/trường hợp. Trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.
10	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp	Phí: 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	Phòng Tư pháp - UBND cấp	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.

		có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	huyện		huyện	
11	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Phí: 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.
12	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Phí: 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.

IV LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ						
1	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	+ UBND cấp xã xem xét, đề nghị UBND cấp huyện giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + UBND cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + UBND cấp xã chi tiền hỗ trợ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định của UBND cấp huyện.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Không quy định	Phòng Tư pháp - UBND cấp huyện	- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/2/2014 của Chính phủ hướng dẫn Luật hòa giải ở cơ sở.
V LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC						
1	Phục hồi danh dự	15 ngày (kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Không quy định	Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án ở cấp huyện	- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ hướng dẫn Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Nghị định số 68/2018/NĐ-CP). - Thông tư số 04/2018/TT-BTP.
2	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Tối đa 110 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ của người yêu cầu bồi thường	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện	Không quy định	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan	- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày

					trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án ở cấp huyện	17/5/2018 của Chính phủ về biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.
--	--	--	--	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------

C- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI					
01	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Trong thời hạn 28 ngày, trong đó: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước; ghi vào Sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi: 03 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	- Lệ phí: 400.000đồng/trường hợp. Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.	UBND cấp xã	- Luật Nuôi con nuôi năm 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 267/2016/TT- BTC; - Thông tư số 10/2020/ TT- BTP.
02	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Không quy định	UBND cấp xã	- Luật Nuôi con nuôi năm 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 267/2016/TT- BTC; - Thông tư số 10/2020/ TT- BTP.
II	LĨNH VỰC HỘ TỊCH					
1	Đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Miễn lệ phí. Đăng ký khai sinh quá hạn:	UBND cấp xã	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;

		15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	quả - UBND cấp xã	7.000đồng/ trường hợp		- Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
2	Đăng ký kết hôn	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Miễn lệ phí. Đăng ký khai sinh quá hạn: 7.000đồng/ trường hợp	UBND cấp xã	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Lệ phí: 15.000đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	UBND cấp xã	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
4	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	- Đăng ký khai sinh quá hạn: 7.000đồng/ trường hợp. - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 15.000/ trường hợp.	UBND cấp xã	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
5	Đăng ký khai tử	Ngày trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Miễn lệ phí. Đăng ký khai tử quá hạn: 7.000đồng/ trường hợp	UBND cấp xã	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.

6	Đăng ký khai sinh lưu động	5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Miễn lệ phí. Đăng ký khai sinh quá hạn: 7.000đồng/ trường hợp	UBND cấp xã	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
7	Đăng ký kết hôn lưu động	5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Miễn lệ phí	UBND cấp xã	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
8	Đăng ký khai tử lưu động	5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Miễn lệ phí. Đăng ký khai tử quá hạn: 7.000đồng/ trường hợp	UBND cấp xã	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
9	Đăng ký giám hộ	3 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Miễn lệ phí	UBND cấp xã	- Bộ Luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
10	Đăng ký chấm dứt giám hộ	2 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Miễn lệ phí	UBND cấp xã	- Bộ Luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
11	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Lệ phí: 15.000đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ	UBND cấp xã	- Bộ Luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;

		- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung hồ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.		nghèo, người khuyết tật.		- Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
12	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc. Trường hợp phải gửi văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Lệ phí: 15.000đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	UBND cấp xã	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
13	Đăng ký lại khai sinh	03 ngày làm việc (trường hợp đăng ký lại khai sinh tại nơi đã đăng ký khai sinh trước đây). Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Lệ phí: 7.000đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	UBND cấp xã	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Lệ phí: 7.000đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	UBND cấp xã	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
15	Đăng ký lại kết hôn	5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND	Lệ phí: 250.000/ trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc	UBND cấp xã	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014;

			cấp xã	hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		- Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
16	Đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Lệ phí: 7.000đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc hộ gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	UBND cấp xã	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND.
17	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	8.000 đồng/1 bản sao trích lục/ sự kiện hộ tịch đã đăng ký.	UBND cấp xã	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư 281/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.
18	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	- Thời hạn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi tối đa không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định mà Bộ phận tiếp nhận	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã		UBND cấp xã; Bảo hiểm xã hội cấp huyện.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (sửa đổi năm 2014); - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư liên tịch số 85/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT.

		<p>và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã phải hoàn thiện hồ sơ, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan Bảo hiểm xã hội thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với các xã cách xa trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện từ 50 km trở lên, giao thông đi lại khó khăn, chưa được kết nối Internet thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 05 ngày làm việc.</p> <p>- Căn cứ vào tình hình thực tế, các đơn vị có thể quy định cụ thể thời hạn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính ngắn hơn thời hạn tối đa nêu trên.</p>			
19	<p>Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi</p>	<p>- Thời hạn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi tối đa không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định mà Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã phải hoàn thiện hồ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã</p>		<p>UBND cấp xã; - Bảo hiểm xã hội cấp huyện; - Công an cấp huyện.</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (sửa đổi năm 2014); - Luật Cư trú năm 2006 (sửa đổi năm 2013); - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư liên tịch số 85/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT.</p>

		<p>sơ, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan Công an, cơ quan Bảo hiểm xã hội thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với các xã cách xa trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp huyện từ 50 km trở lên, giao thông đi lại khó khăn, chưa được kết nối Internet thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 05 ngày làm việc.</p> <p>- Căn cứ vào tình hình thực tế, các đơn vị có thể quy định cụ thể thời hạn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính ngắn hơn thời hạn tối đa nêu trên.</p>				
20	<p>Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí cho công dân trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</p>	<p>- Trường hợp liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng); liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng): Tối đa là 28 ngày trong đó thời gian giải quyết là 20 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 08 ngày.</p> <p>- Trường hợp liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã</p>		<p>- UBND cấp xã; - Bảo hiểm xã hội cấp huyện; - Công an cấp huyện. - Hội cựu chiến binh; - Phòng Lao động - Thương binh</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (sửa đổi năm 2014); - Luật Cư trú năm 2006 (sửa đổi năm 2013); - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư liên tịch số 85/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT.</p>

		<p>thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần; liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần: Tối đa là 33 ngày, trong đó thời gian giải quyết là 25 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 08 ngày.</p> <p>- Trường hợp liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng); liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng): Tối đa 12 ngày, trong đó thời gian giải quyết là 08 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 04 ngày.</p> <p>- Trường hợp liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định</p>			<p>và Xã hội; - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</p>	
--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	-------------------------------------------------------------------------	--

		<p>số 290/2005/QĐ-TTg, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg; liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg: Tối đa là 48 ngày, trong đó thời gian giải quyết là 40 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 08 ngày.</p> <p>- Trường hợp liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Quyết định số 150/2006/QĐ-TTg; liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Quyết định số 150/2006/QĐ-TTg: Tối đa là 30 ngày, trong đó thời gian giải quyết là 24 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 06 ngày.</p> <p>- Trường hợp liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định</p>				
--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

		<p>số 62/2011/QĐ-TTg; liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg: Tối đa là 34 ngày, trong đó thời gian giải quyết là 26 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 08 ngày.</p> <p>- Trường hợp liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg; liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg: Tối đa là 34 ngày, trong đó thời gian giải quyết là 26 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 08 ngày.</p>				
III	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC					
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Không quy định	UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC.
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. - Đối với trường hợp cùng một 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Phí: 2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là	UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC.

	quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.		căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính Đồng		
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	UBND cấp xã	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.

		hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.				
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ;	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Phí: 30.000 đồng/ giao dịch	UBND cấp xã	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ;	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Phí: 30.000 đồng/ giao dịch	UBND cấp xã	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.
6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính)	UBND cấp xã	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.
7	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Phí: 50.000 đồng/ giao dịch	UBND cấp xã	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.
8	Chứng thực di chúc	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Phí: 50.000 đồng/văn bản	UBND cấp xã	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.

9	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Phí: 50.000 đồng/văn bản	UBND cấp xã	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.
10	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Phí: 50.000 đồng/văn bản	UBND cấp xã	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.
11	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Phí: 50.000 đồng/văn bản	UBND cấp xã	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.
IV	LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT					
1	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức tư pháp - hộ tịch.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Không quy định	UBND cấp xã	- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2016/TT-BTP.
2	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của công chức tư pháp - hộ tịch	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Không quy định	UBND cấp xã	- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2016/TT-BTP.
V	LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ					

1	Công nhận hòa giải viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Không quy định	UBND cấp xã	- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN.
2	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Không quy định	UBND cấp xã	- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN.
3	Thôi làm hòa giải viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Không quy định	UBND cấp xã	- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN.
4	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Tổ hòa giải thực hiện trả thù lao cho hòa giải viên theo Quyết định của UBND cấp xã trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thù lao.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Không quy định	UBND cấp xã	- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.
VI	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC					
1	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Tối đa 110 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ của người yêu cầu bồi thường	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp xã	Không quy định	UBND cấp xã	- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP.